

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP  
HỘI ĐỒNG XÉT TN TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TRỖI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2017**

| STT | MSHS         | Họ tên                  | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|-------------------------|-----------|----|------|------------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                         | Ng        | Th | Năm  |            |           |         |                      |     |      |       |      |      |      |     |         |             |
| 1   | 764501152378 | Nguyễn Việt Vân Anh     | 11        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.3  | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 2   | 764501152379 | Trần Thị Hà Anh         | 16        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.5  | 6.7 | 6.7     | Giỏi        |
| 3   | 764501152380 | Lê Thanh Bình           | 23        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.2  | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 4   | 764501152381 | Huỳnh Kim Chi           | 28        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Hoa     | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 6.5 | 6.5     | Giỏi        |
| 5   | 764501152382 | Nguyễn Hữu Hải Di       | 16        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.2  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 6   | 764501152383 | Nguyễn Hoàng Hương Dung | 15        | 10 | 2002 | Huế        | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.9  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 7   | 764501152385 | Nguyễn Thúy Thùy Dương  | 02        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.3  | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 8   | 764501152387 | Nguyễn Hoàng Minh Đức   | 02        | 05 | 2002 | Huế        | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.8  | 5.5 | 5.5     | Khá         |
| 9   | 764501152388 | Hà Huy Hùng             | 22        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.6  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 10  | 764501152389 | Cao Gia Huy             | 09        | 06 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.8  | 6   | 6       | Khá         |
| 11  | 764501152391 | Mai Lâm Gia Huy         | 06        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.3  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 12  | 764501152392 | Phạm Việt Hưng          | 05        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.8  | 5.6 | 5.6     | Khá         |
| 13  | 764501152394 | Hồ Minh Khang           | 23        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 6.9  | 5.7 | 5.7     | Khá         |
| 14  | 764501152395 | Nguyễn Gia Khang        | 23        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.4  | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 15  | 764501152396 | Nguyễn Đăng Khoa        | 04        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 6.7 | 6.7     | Giỏi        |
| 16  | 764501153084 | Trần Anh Khoa           | 02        | 10 | 2002 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.2  | 7   | 7       | Giỏi        |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|------------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |            |           |         |                      |     |      |       |      |      |      |     |         |             |
| 17  | 764501152398 | Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt | 06        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.7  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 18  | 764501153234 | Nguyễn Đình Long       | 08        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.7  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 19  | 764501152399 | Nguyễn Đình Thắng Lợi  | 06        | 12 | 2002 | Đồng Nai   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.8  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 20  | 764501152400 | Đỗ Huy Mẫn             | 21        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.4  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 21  | 764501152401 | Ka Nguyễn Nhật Minh    | 29        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.8  | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 22  | 764501152498 | Nguyễn Khánh Minh      | 08        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.7  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 23  | 764501152402 | Nguyễn Tuấn Minh       | 04        | 06 | 2002 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.4  | 7   | 7       | Giỏi        |
| 24  | 764501152404 | Phan Quốc Minh         | 20        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.8  | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 25  | 764501152405 | Nguyễn Ngọc Xuân Ngân  | 19        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.1  | 8.5 | 8.5     | Giỏi        |
| 26  | 764501152406 | Nguyễn Thu Ngân        | 14        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.7  | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 27  | 764501153096 | Nguyễn Thị Thanh Nhã   | 09        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.1  | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 28  | 764501152407 | Đỗ Quỳnh Như           | 20        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 8.2  | 6.2 | 6.2     | Khá         |
| 29  | 764501152408 | Lâm Võ Hoàng Phi       | 05        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 8.4  | 6.3 | 6.3     | Khá         |
| 30  | 764501152410 | Nguyễn Tuấn Hải Phong  | 15        | 06 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 31  | 764501152411 | Nguyễn Lý Thiên Phúc   | 24        | 01 | 2002 | Kiên Giang | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.1  | 8.2 | 8.2     | Giỏi        |
| 32  | 764501152412 | Trần Nguyễn Gia Phúc   | 28        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 8.4  | 6.4 | 6.4     | Khá         |
| 33  | 764501152413 | Bùi Mai Phương         | 22        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.6  | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 34  | 764501152415 | Nguyễn Hoàng Nhật Tân  | 19        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.9  | 7   | 7       | Giỏi        |
| 35  | 764501152417 | Nguyễn Thị Thanh Thảo  | 02        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.3  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 36  | 764501152466 | Huỳnh Tấn Thiên        | 07        | 04 | 2002 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 8.7  | 6.4 | 6.4     | Khá         |

| STT | MSHS         | Họ tên                  | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|-------------------------|-----------|----|------|-----------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                         | Ng        | Th | Năm  |           |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 37  | 764501152418 | Võ Ngọc Anh Thu         | 15        | 02 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.3  | 7.2 | 7.1     | Giỏi        |
| 38  | 764501152419 | Lê Thành Tiến           | 04        | 01 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.6  | 6.5 | 6.5     | Khá         |
| 39  | 764501152421 | Lê Thùy Trang           | 07        | 12 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.3  | 5.4 | 5.4     | Trung bình  |
| 40  | 764501152422 | Nguyễn Đoàn Khánh Trung | 18        | 09 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9    | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 41  | 764501152424 | Nguyễn Phương Uyên      | 07        | 04 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.2  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 42  | 764501152425 | Phạm Hồ Tú Uyên         | 30        | 04 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.3  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 43  | 764501152426 | Nguyễn Yến Vy           | 29        | 11 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.6  | 7.1 | 7.1     | Giỏi        |
| 44  | 764501153167 | Phạm Lê Nhật Vy         | 13        | 08 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.4  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 45  | 764501152427 | Phan Đăng Tường Vy      | 17        | 07 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/1 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.7  | 8.2 | 8.2     | Giỏi        |
| 46  | 764501152777 | Nguyễn Trường An        | 07        | 05 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.6  | 6.1 | 6.1     | Khá         |
| 47  | 764501152428 | Bùi Quỳnh Anh           | 06        | 11 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.9  | 4.5 | 4.5     | Trung bình  |
| 48  | 764501152375 | Cao Hoàng Minh Anh      | 06        | 11 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.7  | 5.2 | 5.2     | Khá         |
| 49  | 764501152376 | Đặng Hoàng Anh          | 03        | 11 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.2  | 7   | 7       | Giỏi        |
| 50  | 764501152377 | Ngô Hoàng Bảo Anh       | 14        | 06 | 2002 | Hải Phòng | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.8  | 5.4 | 5.2     | Khá         |
| 51  | 764501153072 | Ngô Phạm Lan Anh        | 09        | 05 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 6.4 | 6.4     | Khá         |
| 52  | 764501152727 | Nguyễn Ngọc Trâm Anh    | 20        | 04 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.3  | 6.6 | 6.6     | Khá         |
| 53  | 764501152779 | Trần Lê Trúc Anh        | 04        | 03 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 5.9 | 5.9     | Khá         |
| 54  | 764501152782 | Đoàn Gia Cường          | 06        | 04 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 6.4 | 6.1     | Khá         |
| 55  | 764501152431 | Hứa Nguyễn Đức Cường    | 16        | 05 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 5.7 | 5.7     | Khá         |
| 56  | 764501152483 | Nguyễn Khải Doanh       | 19        | 03 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.4  | 6.6 | 6.6     | Khá         |

| STT | MSHS         | Họ tên               | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|----------------------|-----------|----|------|------------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                      | Ng        | Th | Năm  |            |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 57  | 764501152783 | Mai Văn Tiến Dũng    | 08        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.4  | 5.4 | 5.4     | Khá         |
| 58  | 764501152384 | Phạm Chí Dũng        | 10        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 9    | 6.1 | 6.1     | Khá         |
| 59  | 764501152733 | Trần Thùy Dương      | 03        | 02 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.3  | 7.9 | 7.9     | Giỏi        |
| 60  | 764501152386 | Trần Khánh Đoan      | 21        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.6  | 5.7 | 5.7     | Khá         |
| 61  | 764501152737 | Lê Minh Giang        | 22        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.3  | 6.6 | 6.5     | Khá         |
| 62  | 764501152436 | Tạ Lê Trung Hiếu     | 09        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.9  | 5.9 | 5.9     | Khá         |
| 63  | 764501152390 | Cao Trần Thanh Huy   | 01        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.8  | 4.7 | 4.7     | Trung bình  |
| 64  | 764501152787 | Lê Thái Bảo Huy      | 30        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7    | 5.6 | 5.6     | Khá         |
| 65  | 764501153424 | Diệp Thế Huynh       | 12        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.7  | 4.1 | 4.1     | Trung bình  |
| 66  | 764501152446 | Lê Nguyễn Huỳnh Kha  | 26        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.5  | 7.2 | 7.2     | Khá         |
| 67  | 764501152447 | Vũ Minh Khang        | 04        | 06 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.1  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 68  | 764501153086 | Đặng Hải Lâm         | 19        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.1  | 5.5 | 5.5     | Khá         |
| 69  | 764501152742 | Nguyễn Ngọc Mai Linh | 20        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.7  | 7.9 | 7.9     | Giỏi        |
| 70  | 764501152403 | Nguyễn Xuân Minh     | 05        | 02 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.1  | 5.1 | 5.1     | Trung bình  |
| 71  | 764501152499 | Nguyễn Gia Mỹ        | 25        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.2  | 7.3 | 6.6     | Giỏi        |
| 72  | 764501153102 | Lê Minh Nhựt         | 10        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.5  | 6.1 | 6.1     | Khá         |
| 73  | 764501152750 | Nguyễn Đức Phát      | 09        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.3  | 5.4 | 5.4     | Khá         |
| 74  | 764501152409 | Bùi Thanh Phong      | 04        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 5.2 | 5.2     | Khá         |
| 75  | 764501153439 | Nguyễn Thị Mai Phong | 25        | 12 | 2002 | Bình Phước | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.4  | 5.7 | 5.4     | Khá         |
| 76  | 764501152414 | Phan Kỳ Quang        | 01        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.9  | 6.4 | 5.7     | Khá         |

| STT | MSHS         | Họ tên                | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|-----------------------|-----------|----|------|----------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                       | Ng        | Th | Năm  |          |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 77  | 764501153148 | Nguyễn Việt Quân      | 21        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.8  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 78  | 764501153249 | Lương Đình Tài        | 20        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.1  | 6.5 | 5.6     | Khá         |
| 79  | 764501152755 | Vũ Xuân Thanh         | 20        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.5  | 6.2 | 5.8     | Khá         |
| 80  | 764501152416 | Trần Nguyễn Văn Thành | 19        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.4  | 6.7 | 6.7     | Giỏi        |
| 81  | 764501153150 | Phạm Ngọc Phương Thảo | 17        | 04 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.1  | 5.2 | 5       | Trung bình  |
| 82  | 764501152812 | Lâm Hoàng Thiện       | 13        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7    | 5.6 | 5.6     | Khá         |
| 83  | 764501152858 | Trần Khang Thịnh      | 02        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.6  | 5.9 | 4.8     | Trung bình  |
| 84  | 764501152816 | Nguyễn Ngọc Minh Thư  | 28        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.3  | 5.6 | 5.6     | Trung bình  |
| 85  | 764501153110 | Nguyễn Thị Cẩm Tiên   | 08        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.6  | 5.8 | 5.7     | Khá         |
| 86  | 764501152420 | Nguyễn Mạnh Toàn      | 20        | 07 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 5.5 | 5.5     | Khá         |
| 87  | 764501152761 | Nguyễn Xuân Đức Toàn  | 26        | 06 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.6  | 5.6 | 5.1     | Khá         |
| 88  | 764501153112 | Lưu Ngọc Thùy Trinh   | 18        | 07 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5    | 4.8 | 4.8     | Trung bình  |
| 89  | 764501152423 | Võ Thanh Quang Trung  | 18        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.3  | 6.1 | 6.1     | Khá         |
| 90  | 764501152823 | Nguyễn Huy Vũ         | 06        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/2 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7    | 6.3 | 6       | Khá         |
| 91  | 764501152726 | Lê Nguyễn Quỳnh Anh   | 23        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 7    | 5.9 | 4.9     | Trung bình  |
| 92  | 764501153413 | Nguyễn Tú Anh         | 21        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 7.5 | 6.2     | Khá         |
| 93  | 764501152729 | Uông Thị Châu Anh     | 23        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.4  | 7.3 | 6.7     | Giỏi        |
| 94  | 764501153416 | Đỗ Trần Như Gia Bảo   | 18        | 04 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.3  | 6.1 | 6.1     | Khá         |
| 95  | 764501152731 | Đỗ Thanh Bình         | 01        | 06 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.6  | 5.1 | 4.3     | Trung bình  |
| 96  | 764501153418 | Phùng Thị Bảo Châu    | 26        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.3  | 5.9 | 4.6     | Trung bình  |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|------------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |            |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 97  | 764501153419 | Phan Ái Diễm           | 28        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 6.8 | 6.2     | Khá         |
| 98  | 764501152732 | Phan Khởi Duy          | 22        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Hoa     | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8    | 5.5 | 5.5     | Khá         |
| 99  | 764501152734 | Nguyễn Hải Đăng        | 14        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.2  | 7.7 | 7.7     | Giỏi        |
| 100 | 764501152735 | Nguyễn Phúc Điền       | 11        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.5  | 7.2 | 7       | Khá         |
| 101 | 764501152736 | Triệu Giảng Đông       | 09        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.4  | 4.9 | 4.9     | Trung bình  |
| 102 | 764501153422 | Châu Lê Khánh Hằng     | 01        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.5  | 5.9 | 4.6     | Trung bình  |
| 103 | 764501152738 | Phạm Thị Ngọc Hân      | 12        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.6  | 6.5 | 6.5     | Khá         |
| 104 | 764501152739 | Nguyễn Trần Anh Huy    | 04        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8    | 5.9 | 5.6     | Khá         |
| 105 | 764501152740 | Nguyễn Duy Sơn Khê     | 30        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.3  | 4.6 | 3.9     | Trung bình  |
| 106 | 764501153426 | Huỳnh Đăng Khoa        | 12        | 02 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.8  | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 107 | 764501153428 | Hồ Phan Minh Kiệt      | 15        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.5  | 6.5 | 5.5     | Khá         |
| 108 | 764501152741 | Lê Văn Kim             | 24        | 07 | 2001 | Ninh Thuận | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.7  | 5.6 | 3.8     | Trung bình  |
| 109 | 764501152743 | Nguyễn Xuân Khánh Linh | 14        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.5  | 6   | 5.7     | Khá         |
| 110 | 764501152744 | Nguyễn Phan Huy Lượng  | 11        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 6.9 | 6.8     | Khá         |
| 111 | 764501153433 | Trần Võ Thục Miên      | 08        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 7.8 | 7.5     | Giỏi        |
| 112 | 764501152745 | Nguyễn Hàn Lê Nam      | 29        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.1  | 7.1 | 7.1     | Giỏi        |
| 113 | 764501152747 | Mai Hải Ngọc           | 31        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.4  | 7.1 | 6.3     | Khá         |
| 114 | 764501152748 | Bùi Thanh Nhã          | 22        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.1  | 6.6 | 5.8     | Khá         |
| 115 | 764501152749 | Trần Thị Thanh Nhân    | 11        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.1  | 7.1 | 6.1     | Khá         |
| 116 | 764501152751 | Đoàn Lê Ái Phi         | 14        | 08 | 2002 | Hải Phòng  | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.3  | 6.5 | 6.4     | Khá         |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|------------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |            |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 117 | 764501152753 | Nguyễn Bá Phúc         | 15        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 7.7  | 5.6 | 4.8     | Trung bình  |
| 118 | 764501152754 | Nguyễn Ngọc Tân        | 25        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.2  | 4.9 | 4.2     | Trung bình  |
| 119 | 764501152756 | Đinh Hoàng Ý Thiên     | 26        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.6  | 7.4 | 6.5     | Khá         |
| 120 | 764501152758 | Nguyễn Hoàn Minh Thông | 09        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.7  | 4.9 | 4.7     | Trung bình  |
| 121 | 764501152759 | Huỳnh Thị Kim Thương   | 19        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5.7  | 6.3 | 4.5     | Trung bình  |
| 122 | 764501152760 | Nguyễn Trung Tín       | 17        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Khá  | 6.7  | 5.2 | 5.2     | Khá         |
| 123 | 764501152762 | Đoàn Tommy             | 24        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.6  | 4.7 | 4.5     | Trung bình  |
| 124 | 764501152763 | Nguyễn Ngọc Thùy Trang | 25        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 7.8  | 7.6 | 4.5     | Trung bình  |
| 125 | 764501152765 | Huỳnh Minh Triết       | 24        | 11 | 2002 | Tp.HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 126 | 764501152767 | Nguyễn Ngọc Anh Trường | 20        | 06 | 2002 | Hà Tây     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.4  | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 127 | 764501152768 | Đào Minh Tùng          | 17        | 12 | 2002 | Vĩnh Phúc  | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.7  | 6.3 | 6.3     | Khá         |
| 128 | 764501152769 | Huỳnh Ngọc Cát Tường   | 18        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.1  | 5.9 | 5       | Trung bình  |
| 129 | 764501152770 | Nguyễn Mạnh Tường      | 20        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.5  | 8.1 | 8.1     | Giỏi        |
| 130 | 764501152771 | Nguyễn Học Xuân Uyên   | 05        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.1  | 7   | 6.4     | Khá         |
| 131 | 764501153210 | Nguyễn Ngọc Thanh Vân  | 01        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.6  | 7.1 | 6.3     | Khá         |
| 132 | 764501153459 | Trần Khánh Vân         | 02        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.5  | 7.1 | 7.1     | Giỏi        |
| 133 | 764501152772 | Nguyễn Anh Việt        | 31        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9    | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 134 | 764501152773 | Lâm Thị Yến Vy         | 25        | 02 | 2002 | Bình Dương | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.5  | 6.2 | 6.2     | Khá         |
| 135 | 764501152774 | Nguyễn Thị Cẩm Vy      | 14        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/3 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.3  | 7   | 5.5     | Khá         |
| 136 | 764501152780 | Tăng Gia Bảo           | 25        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 6.3 | 5.1     | Khá         |

| STT | MSHS         | Họ tên                  | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|-------------------------|-----------|----|------|-----------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                         | Ng        | Th | Năm  |           |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 137 | 764501152781 | Nguyễn Diệp Hàng Châu   | 14        | 05 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.9  | 6.6 | 6.1     | Khá         |
| 138 | 764501152784 | Phạm Phát Đạt           | 30        | 07 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 6.2 | 5.2     | Khá         |
| 139 | 764501152785 | Trương Ngọc Quỳnh Giao  | 22        | 01 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 7.1 | 7.1     | Khá         |
| 140 | 764501153421 | Trần Nguyễn Phương Hạnh | 06        | 04 | 2002 | Khánh Hòa | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.5  | 7.1 | 6.6     | Giỏi        |
| 141 | 764501152786 | Cao Việt Hậu            | 09        | 04 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.7  | 5.6 | 5.6     | Khá         |
| 142 | 764501152788 | Nguyễn Gia Huy          | 16        | 02 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.7  | 6.5 | 6.5     | Khá         |
| 143 | 764501152789 | Trần Ngọc Thảo Huyền    | 18        | 10 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.2  | 7   | 6.9     | Giỏi        |
| 144 | 764501152790 | Trịnh Quang Khải        | 14        | 05 | 2002 | Nam Định  | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 7.2 | 5.2     | Khá         |
| 145 | 764501152791 | Dương Hoàng Gia Khang   | 14        | 06 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.7  | 7.7 | 6.8     | Giỏi        |
| 146 | 764501152792 | Nguyễn Đức Khánh        | 26        | 08 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.6  | 5.7 | 5.4     | Khá         |
| 147 | 764501152793 | Phạm Minh Khoa          | 26        | 10 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 8    | 4.4 | 4.4     | Trung bình  |
| 148 | 764501153429 | Lê Gia Lâm              | 10        | 03 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.1  | 5.9 | 5.2     | Khá         |
| 149 | 764501153430 | Trần Ngọc Liên          | 04        | 12 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 150 | 764501152794 | Nguyễn Thị Mỹ Linh      | 16        | 02 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7    | 7.1 | 5.4     | Khá         |
| 151 | 764501153432 | Trần Lý Linh            | 24        | 06 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 6.8 | 6.7     | Khá         |
| 152 | 764501152795 | Nguyễn Võ Tấn Lộc       | 23        | 10 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 7.1  | 5.4 | 4.3     | Trung bình  |
| 153 | 764501153434 | Nguyễn Hoàng My         | 11        | 10 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.1  | 6.5 | 5.5     | Khá         |
| 154 | 764501152796 | Lê Hoàng Khánh Ngân     | 02        | 01 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.7  | 7.9 | 7.9     | Giỏi        |
| 155 | 764501152797 | Nguyễn Ngọc Khánh Ngân  | 04        | 07 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.8  | 7.1 | 7.1     | Giỏi        |
| 156 | 764501152798 | Võ Thị Phương Ngân      | 04        | 06 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5.8  | 6.1 | 4.2     | Trung bình  |

| STT | MSHS         | Họ tên                  | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|-------------------------|-----------|----|------|----------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                         | Ng        | Th | Năm  |          |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 157 | 764501152799 | Nguyễn Bảo Ngọc         | 18        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9    | 7.4 | 7.2     | Giỏi        |
| 158 | 764501153435 | Ngô Gia Nguyên          | 28        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Hoa     | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.7  | 6.5 | 6.5     | Giỏi        |
| 159 | 764501153437 | Quách Vương Công Nguyên | 05        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9    | 7.7 | 7.7     | Giỏi        |
| 160 | 764501152776 | Huỳnh Long Nhân         | 29        | 11 | 2001 | DakLak   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 7.1  | 5.3 | 4.2     | Trung bình  |
| 161 | 764501153438 | Bùi Thiên An            | 14        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 7.8 | 7.8     | Giỏi        |
| 162 | 764501152800 | Nguyễn Ché Hồng Nhi     | 30        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6    | 5.2 | 4.4     | Trung bình  |
| 163 | 764501152801 | Nguyễn Thanh Nhi        | 17        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 7.6 | 6.7     | Giỏi        |
| 164 | 764501152802 | Nguyễn Trúc Quỳnh Như   | 07        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.4  | 6.7 | 6.6     | Khá         |
| 165 | 764501152803 | Bùi Tấn Phát            | 05        | 06 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 6.8 | 5.3     | Khá         |
| 166 | 764501153144 | Ngô Xuân Phong          | 15        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 5.4  | 3.8 | 3.8     | Trung bình  |
| 167 | 764501152806 | Võ Thành Quốc           | 18        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 7.6 | 6.7     | Khá         |
| 168 | 764501152808 | Nguyễn Khoa Triều Sơn   | 24        | 06 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5.8  | 4.8 | 4.5     | Trung bình  |
| 169 | 764501152810 | Trần Nhật Tân           | 20        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.8  | 6.5 | 6.2     | Khá         |
| 170 | 764501152811 | Đào Quang Thành         | 16        | 04 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.1  | 6.5 | 5.9     | Khá         |
| 171 | 764501152813 | Lê Kim Thịnh            | 13        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8    | 6.2 | 6.2     | Khá         |
| 172 | 764501152814 | Phạm Võ Minh Thông      | 17        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 5.8  | 4.7 | 4       | Trung bình  |
| 173 | 764501152817 | Đặng Ngân Thy           | 03        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.4  | 6.4 | 5.9     | Khá         |
| 174 | 764501152818 | Đặng Thiên Trang        | 03        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.4  | 5.3 | 4.3     | Trung bình  |
| 175 | 764501152819 | Nguyễn Hồng Ngọc Trâm   | 04        | 07 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.5  | 6.7 | 6.7     | Giỏi        |
| 176 | 764501152820 | Nguyễn Phúc Mai Trâm    | 11        | 03 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.6  | 6.6 | 6.5     | Khá         |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|----------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |          |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 177 | 764501152821 | Lê Minh Trí            | 01        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.2  | 5.5 | 5.5     | Khá         |
| 178 | 764501152822 | Huyền Phạm Thanh Tùng  | 20        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Hoa     | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.4  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 179 | 764501152824 | Lâm Thị Bích Vy        | 29        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/4 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.1  | 6.7 | 6       | Khá         |
| 180 | 764501152825 | Trần Hoàng Minh An     | 14        | 11 | 2002 | Tp.HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Khá  | 6.9  | 5   | 5       | Khá         |
| 181 | 764501152826 | Lý Huỳnh Đức Duy       | 14        | 01 | 2002 | Tp.HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.3  | 5.2 | 5.2     | Trung bình  |
| 182 | 764501153124 | Nguyễn Thành Dương     | 25        | 08 | 2002 | Tp.HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.7  | 4   | 3.8     | Trung bình  |
| 183 | 764501152827 | Trần Nguyễn Quốc Đại   | 17        | 05 | 2002 | Tp.HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.8  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 184 | 764501152828 | Phạm Nguyễn Anh Đạt    | 08        | 08 | 2002 | Tp.HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.6  | 6.5 | 6.5     | Khá         |
| 185 | 764501152829 | Mai Khánh Đăng         | 16        | 10 | 2002 | Tp.HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.1  | 5.4 | 5.4     | Khá         |
| 186 | 764501152831 | Mai Vinh Hiền          | 05        | 07 | 2002 | Tp.HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.8  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 187 | 764501152832 | Huỳnh Gia Huy          | 12        | 04 | 2002 | Tp.HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 5.5 | 5.5     | Khá         |
| 188 | 764501152834 | Trần Nguyễn Long Hưng  | 25        | 07 | 2002 | Tp.HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.6  | 7.1 | 7.1     | Giỏi        |
| 189 | 764501152836 | Lưu Tuấn Kiệt          | 13        | 04 | 2002 | Tp.HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8    | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 190 | 764501152837 | Nguyễn Vũ Nhật Linh    | 17        | 06 | 2002 | Tp.HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 191 | 764501152838 | Lê Nguyễn Kim Long     | 12        | 06 | 2002 | Tp.HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.9  | 6.7 | 6.3     | Khá         |
| 192 | 764501152840 | Nguyễn Hoàng Long      | 16        | 07 | 2002 | Tp.HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.1  | 5.8 | 5.8     | Khá         |
| 193 | 764501152841 | Lương Thế Mẫn          | 05        | 06 | 2002 | Tp.HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.6  | 6.7 | 6.7     | Giỏi        |
| 194 | 764501152842 | Nguyễn Hồng Ngọc       | 26        | 08 | 2002 | Hà Tĩnh  | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.3  | 5.8 | 5       | Trung bình  |
| 195 | 764501152843 | Nguyễn Huỳnh Minh Ngọc | 10        | 01 | 2002 | Tp.HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.3  | 6.4 | 6.2     | Khá         |
| 196 | 764501152844 | Thái Thanh Thảo Nguyên | 01        | 05 | 2002 | Tp.HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.7  | 7.8 | 7.8     | Giỏi        |

| STT | MSHS         | Họ tên                | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK       | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|-----------------------|-----------|----|------|-----------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                       | Ng        | Th | Năm  |           |           |         |                      |     |      |       |            |            |      |     |         |             |
| 197 | 764501152845 | Đoàn Minh Nhật        | 26        | 09 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt        | 9.7  | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 198 | 764501152846 | Bùi Thị Quỳnh Như     | 30        | 07 | 2002 | Tp.HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt        | 8.4  | 6.4 | 6.4     | Khá         |
| 199 | 764501152847 | Phạm Trọng Ninh       | 04        | 10 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt        | 6.5  | 5.2 | 5.2     | Khá         |
| 200 | 764501152849 | Nguyễn Thế Phương     | 25        | 09 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt        | 8.7  | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 201 | 764501152850 | Lê Trần Minh Quân     | 19        | 10 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Khá        | 6.5  | 5   | 5       | Khá         |
| 202 | 764501152851 | Đỗ Phạm Phú Quốc      | 11        | 10 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Trung bình | Khá        | 8.5  | 4.6 | 4.6     | Trung bình  |
| 203 | 764501152853 | Nguyễn Đức Tấn        | 24        | 04 | 2002 | Quảng Nam | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt        | 8.9  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 204 | 764501152854 | Bùi Đặng Quốc Thái    | 05        | 11 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt        | 7.3  | 5.2 | 5.2     | Khá         |
| 205 | 764501153149 | Nguyễn Việt Thái      | 28        | 11 | 2000 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 0     | Trung bình | Trung bình | 4.3  | 5   | 3.5     | Trung bình  |
| 206 | 764501152855 | Nguyễn Kim Thành      | 09        | 10 | 2002 | Tp.HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Trung bình | Khá        | 6.7  | 5.2 | 5       | Trung bình  |
| 207 | 764501152856 | Đặng Ngọc Phương Thảo | 30        | 06 | 2002 | Tp.HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt        | 7.4  | 6.7 | 6.7     | Khá         |
| 208 | 764501152857 | Nguyễn Đức Thắng      | 12        | 02 | 2000 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Trung bình | Khá        | 5.4  | 3.8 | 3.8     | Trung bình  |
| 209 | 764501152859 | Bùi Đặng Quốc Thông   | 05        | 11 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt        | 6.2  | 5.4 | 4.7     | Trung bình  |
| 210 | 764501152860 | Phan Trần Diễm Thúy   | 11        | 10 | 2002 | Tp.HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt        | 8    | 6.2 | 5.3     | Khá         |
| 211 | 764501152861 | Nguyễn Thị Anh Thư    | 17        | 10 | 2002 | Tp.HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt        | 9    | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 212 | 764501152863 | Trần Quốc Tín         | 17        | 11 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt        | 8.4  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 213 | 764501152864 | Lê Ngọc Đoàn Trang    | 12        | 08 | 2002 | Tp.HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt        | 7.7  | 5.2 | 5.2     | Khá         |
| 214 | 764501152865 | Huỳnh Đức Trí         | 03        | 12 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt        | 7.6  | 4.8 | 4.8     | Trung bình  |
| 215 | 764501152866 | Nguyễn Khánh Trình    | 13        | 08 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt        | 7.7  | 5.7 | 5.7     | Khá         |
| 216 | 764501153455 | Lê Quỳnh Thê Tú       | 28        | 03 | 2002 | Tp.HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Trung bình | Khá        | 7.5  | 4.5 | 4.5     | Trung bình  |

| STT | MSHS         | Họ tên               | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|----------------------|-----------|----|------|-----------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                      | Ng        | Th | Năm  |           |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 217 | 764501153456 | Đào Nguyễn Mạnh Tuấn | 08        | 08 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 7.6  | 4.9 | 4.9     | Trung bình  |
| 218 | 764501152868 | Nguyễn Vũ Hoàng Tuấn | 08        | 04 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9    | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 219 | 764501152869 | Trần Anh Tuấn        | 09        | 10 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.3  | 6.6 | 6.4     | Khá         |
| 220 | 764501152871 | Lê Duy Tường         | 18        | 02 | 2002 | Tp.HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Khá  | 8.4  | 5.9 | 5.2     | Khá         |
| 221 | 764501152872 | Lưu Thanh Cát Tường  | 18        | 12 | 2002 | Tp.HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.9  | 7.8 | 7.7     | Khá         |
| 222 | 764501153457 | Lê Văn Tý            | 30        | 11 | 2002 | Đồng Tháp | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/5 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.3  | 5.4 | 4.8     | Trung bình  |
| 223 | 764501153216 | Huỳnh Tính Anh       | 04        | 05 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.4  | 6   | 5.9     | Trung bình  |
| 224 | 764501153217 | Nguyễn Hoàng Hà Anh  | 22        | 08 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.9  | 5.7 | 5.7     | Khá         |
| 225 | 764501153218 | Đinh Thanh Bình      | 12        | 09 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5.7  | 3.5 | 3.5     | Trung bình  |
| 226 | 764501153219 | Đỗ Bảo Duy           | 15        | 06 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 5.9 | 5.9     | Khá         |
| 227 | 764501152433 | Bùi Ngọc Trúc Đào    | 16        | 06 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 6.3 | 6.3     | Khá         |
| 228 | 764501153222 | Bùi Thu Hà           | 15        | 07 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.3  | 7.1 | 6       | Khá         |
| 229 | 764501153224 | Phạm Trung Hiếu      | 13        | 03 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.4  | 6.7 | 6.7     | Giỏi        |
| 230 | 764501152437 | Vũ Minh Hòa          | 15        | 06 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 7.7  | 4.8 | 4.8     | Trung bình  |
| 231 | 764501153225 | Nguyễn Huy Hoàng     | 03        | 02 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 9    | 6   | 6       | Khá         |
| 232 | 764501153227 | Lương Thị Mỹ Huyền   | 17        | 04 | 2002 | Đồng Tháp | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.8  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 233 | 764501153229 | Nguyễn Tuấn Khanh    | 24        | 06 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 5.9 | 5.9     | Khá         |
| 234 | 764501153231 | Đoàn Đỗ Ánh Linh     | 21        | 03 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 5.5 | 5.5     | Khá         |
| 235 | 764501153232 | Huỳnh Minh Long      | 01        | 08 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.1  | 6.4 | 6.4     | Khá         |
| 236 | 764501153235 | Ngô Lê Trúc Mai      | 11        | 03 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.2  | 7.3 | 6.8     | Giỏi        |

| STT | MSHS         | Họ tên                  | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|-------------------------|-----------|----|------|------------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                         | Ng        | Th | Năm  |            |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 237 | 764501153237 | Huỳnh Thanh Ngân        | 11        | 09 | 2001 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 5.8  | 4.3 | 4.2     | Trung bình  |
| 238 | 764501153238 | Trương Hoàng Bảo Ngân   | 29        | 06 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.4  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 239 | 764501153239 | Nguyễn Khánh Ngọc       | 01        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 7.6  | 4.5 | 4.5     | Trung bình  |
| 240 | 764501153242 | Nguyễn Trí Nhân         | 12        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 5.5 | 5.5     | Khá         |
| 241 | 764501153243 | Lê Gia Phát             | 21        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 7    | 4.5 | 4.5     | Trung bình  |
| 242 | 764501153244 | Từ Võ Hùng Phát         | 11        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9    | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 243 | 764501153245 | Nguyễn Xuân Phúc        | 12        | 06 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.7  | 6.2 | 6.2     | Khá         |
| 244 | 764501153246 | Trần Nguyễn Đăng Quang  | 23        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.7  | 5.6 | 5.6     | Khá         |
| 245 | 764501152462 | Phan Đình Quốc          | 04        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.3  | 6.3 | 6.3     | Khá         |
| 246 | 764501153444 | Phạm Ngọc Thạch         | 30        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 6.4 | 5.7     | Khá         |
| 247 | 764501153250 | Lê Hoàng Thiên          | 20        | 12 | 2002 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.2  | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 248 | 764501153446 | Phạm Trần Thiện         | 31        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 5   | 5       | Khá         |
| 249 | 764501153448 | Đoàn Xuân Thịnh         | 13        | 02 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.9  | 6.8 | 6.8     | Khá         |
| 250 | 764501160977 | Nguyễn Hoàng Minh Thông | 09        | 01 | 2002 | TP HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.1  | 5.1 | 5.1     | Trung bình  |
| 251 | 764501153449 | Phạm Minh Thông         | 03        | 03 | 2001 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Khá  | 7    | 5.4 | 5.4     | Khá         |
| 252 | 764501153251 | Huỳnh Thanh Thủy        | 11        | 09 | 2001 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6    | 4   | 4       | Trung bình  |
| 253 | 764501153253 | Đinh Phương Thy         | 20        | 02 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.9  | 5.8 | 5.8     | Khá         |
| 254 | 764501153450 | Nguyễn Văn Thy          | 26        | 06 | 2002 | Bình Phước | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.9  | 6.2 | 4.9     | Trung bình  |
| 255 | 764501153254 | Nguyễn Thành Tiến       | 01        | 06 | 2002 | An Giang   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Khá  | 7    | 5.8 | 5.8     | Khá         |
| 256 | 764501153255 | Trần Nguyễn Bảo Trâm    | 12        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.1  | 6.3 | 6.1     | Khá         |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|----------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |          |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 257 | 764501153256 | Nguyễn Thanh Trúc      | 08        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.1  | 5.6 | 5.1     | Khá         |
| 258 | 764501152473 | Võ Hiếu Trung          | 27        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 8    | 4.2 | 4.2     | Trung bình  |
| 259 | 764501153254 | Nguyễn Kim Tuyền       | 27        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.3  | 4.5 | 4.3     | Trung bình  |
| 260 | 764501153259 | Yang Thục Văn          | 15        | 04 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Hoa     | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.3  | 6.1 | 6.1     | Khá         |
| 261 | 764501153260 | Nguyễn Lê Thanh Vân    | 30        | 07 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.3  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 262 | 764501153261 | Nguyễn Thiên Vũ        | 31        | 12 | 2002 | TP HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Khá  | 7.7  | 5.3 | 5.3     | Khá         |
| 263 | 764501153211 | Trịnh Quang Vũ         | 08        | 03 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 5.6 | 5.1     | Khá         |
| 264 | 764501152476 | Nguyễn Tường Vy        | 21        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/6 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 5.9 | 5.9     | Khá         |
| 265 | 764501153069 | Ngô Đức Quốc An        | 30        | 04 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.4  | 5.7 | 5.7     | Khá         |
| 266 | 764501153070 | Nguyễn Hồng Bảo An     | 09        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 7.2 | 6.7     | Giỏi        |
| 267 | 764501153071 | Lê Hoàng Xuân Anh      | 26        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6    | 5.1 | 5.1     | Trung bình  |
| 268 | 764501153168 | Nguyễn Diễm Quỳnh Anh  | 17        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.8  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 269 | 764501153073 | Vũ Duyên Anh           | 24        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8    | 6.5 | 6.5     | Khá         |
| 270 | 764501153414 | Lã Ngọc Ánh            | 03        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.2  | 7.1 | 7.1     | Giỏi        |
| 271 | 764501153074 | Nguyễn Trọng Ân        | 03        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.9  | 6   | 6       | Khá         |
| 272 | 764501153075 | Phan Khắc Hồng Ân      | 11        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.8  | 5.7 | 5.7     | Khá         |
| 273 | 764501153080 | Nguyễn Huỳnh Đại Dương | 28        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 5.3 | 5.3     | Khá         |
| 274 | 764501153081 | Lưu Thị Hồng Gấm       | 20        | 03 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.8  | 5.3 | 4.8     | Trung bình  |
| 275 | 764501153083 | Nguyễn Sĩ Quốc Huy     | 04        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7    | 5.2 | 5.2     | Khá         |
| 276 | 764501153176 | Lê Thùy Quỳnh Hương    | 05        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 5.8 | 5.8     | Khá         |

| STT | MSHS         | Họ tên                   | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|--------------------------|-----------|----|------|----------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                          | Ng        | Th | Năm  |          |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 277 | 764501153085 | Phan Lê Minh Khôi        | 10        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5.3  | 5.1 | 5.1     | Trung bình  |
| 278 | 764501153431 | Nguyễn Khánh Linh        | 04        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 5.4 | 5.4     | Khá         |
| 279 | 764501153087 | Nguyễn Thị Khánh Ly      | 03        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 7.2  | 5.6 | 4.1     | Trung bình  |
| 280 | 764501153089 | Châu Thị Thu Minh        | 30        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.4  | 5.2 | 4.4     | Trung bình  |
| 281 | 764501153090 | Châu Thị Tuyết Minh      | 30        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.3  | 5.4 | 4.9     | Trung bình  |
| 282 | 764501153091 | Huỳnh Anh Minh           | 11        | 09 | 2002 | Lâm Đồng | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5.8  | 5.2 | 4.8     | Trung bình  |
| 283 | 764501153092 | Nguyễn Châu Minh         | 03        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 5.9 | 5.9     | Khá         |
| 284 | 764501153093 | Thái Phương Nam          | 26        | 08 | 2001 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 5    | 3.5 | 3.5     | Trung bình  |
| 285 | 764501153095 | Nguyễn Hồng Bảo Ngọc     | 13        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.9  | 7   | 7       | Khá         |
| 286 | 764501153436 | Nguyễn Hoàng Thảo Nguyên | 23        | 06 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.7  | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 287 | 764501153097 | Trần Minh Nhật           | 14        | 10 | 2002 | Cà Mau   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.5  | 5.3 | 5.3     | Khá         |
| 288 | 764501153099 | Trần Hồng Nhi            | 12        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 7.4 | 7.4     | Khá         |
| 289 | 764501153100 | Trần Thụy Yến Nhi        | 05        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.4  | 7.9 | 7.7     | Giỏi        |
| 290 | 764501153101 | Nguyễn Quỳnh Như         | 05        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.7  | 5.1 | 5.1     | Khá         |
| 291 | 764501153103 | Võ Thị Mỹ Oanh           | 12        | 06 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 5.6 | 5.5     | Khá         |
| 292 | 764501153104 | Trần Lê Nhật Phong       | 01        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6    | 4.6 | 4.3     | Trung bình  |
| 293 | 764501153105 | Lê Ngọc Phúc             | 06        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 8.1  | 5.1 | 3.8     | Trung bình  |
| 294 | 764501153440 | Nguyễn Trọng Phúc        | 06        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.8  | 6   | 5.3     | Khá         |
| 295 | 764501153106 | Nguyễn Đồng Trúc Phương  | 17        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.5  | 7.1 | 6.7     | Khá         |
| 296 | 764501153441 | Nguyễn Vũ Khánh Phương   | 17        | 06 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.3  | 5.7 | 5.7     | Trung bình  |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|----------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |          |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 297 | 764501153442 | Lê Nguyễn Anh Quân     | 07        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 5.6 | 5.6     | Khá         |
| 298 | 764501153107 | Phạm Cao Kim Quân      | 29        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.4  | 7   | 7       | Giỏi        |
| 299 | 764501153443 | Nguyễn Ngọc Tài        | 13        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.6  | 6.2 | 4.4     | Trung bình  |
| 300 | 764501153108 | Nguyễn Tuấn Tài        | 11        | 09 | 2002 | Dak Lak  | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 5.9 | 5.9     | Khá         |
| 301 | 764501153445 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 26        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5.7  | 4.1 | 4.1     | Trung bình  |
| 302 | 764501153109 | Nguyễn Văn Minh Thường | 06        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.1  | 8   | 7.8     | Giỏi        |
| 303 | 764501153111 | Trần Đình Bảo Trân     | 16        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.2  | 7.7 | 7.7     | Giỏi        |
| 304 | 764501153113 | Đỗ Thị Tường Vi        | 28        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6.1  | 4.5 | 4.3     | Trung bình  |
| 305 | 764501153116 | Phạm Yến Vy            | 03        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8    | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 306 | 764501153117 | Nguyễn Hoàng Yến       | 09        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/7 | 1    | 6     | Trung bình | Khá  | 6    | 4.7 | 4       | Trung bình  |
| 307 | 764501153118 | Đỗ Nguyễn Quỳnh Anh    | 06        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.3  | 8.4 | 8.4     | Giỏi        |
| 308 | 764501153119 | Trần Lê Quốc Anh       | 15        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.1  | 6.3 | 6.2     | Khá         |
| 309 | 764501153415 | Tổng Nguyễn Hoài Ân    | 23        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.5  | 6.2 | 6.2     | Khá         |
| 310 | 764501153120 | Trần Trọng Bách        | 02        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.3  | 5.5 | 5.5     | Khá         |
| 311 | 764501153121 | Nguyễn Huy Bảo         | 17        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.5  | 7.9 | 7.9     | Giỏi        |
| 312 | 764501153122 | Đào Tuấn Cường         | 16        | 03 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5.6  | 5.1 | 4.3     | Trung bình  |
| 313 | 764501153123 | Bùi Minh Duy           | 05        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.2  | 5.5 | 5.5     | Khá         |
| 314 | 764501153125 | Phạm Trần Linh Đan     | 17        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8    | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 315 | 764501153127 | Phạm Thu Giang         | 23        | 10 | 2002 | Hà Nam   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.9  | 7.5 | 5.5     | Khá         |
| 316 | 764501153128 | Nguyễn Thị Thu Hiền    | 20        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 6.9 | 5.1     | Khá         |

| STT | MSHS         | Họ tên                  | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|-------------------------|-----------|----|------|----------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                         | Ng        | Th | Năm  |          |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 317 | 764501152440 | Nguyễn Lê Gia Huy       | 15        | 04 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5.4  | 3.8 | 3.8     | Trung bình  |
| 318 | 764501153129 | Phạm Trần Minh Huy      | 02        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.1  | 4   | 3.9     | Trung bình  |
| 319 | 764501153130 | Bùi Quốc Khánh          | 10        | 06 | 2001 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 7    | 5.3 | 4.1     | Trung bình  |
| 320 | 764501153131 | Nguyễn Hồ Tuấn Kiệt     | 03        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.7  | 6.7 | 6.7     | Giỏi        |
| 321 | 764501153133 | Nguyễn Minh Luân        | 21        | 09 | 2001 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.3  | 4.8 | 4.8     | Trung bình  |
| 322 | 764501153134 | Lê Ngọc Hoàng Mai       | 07        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.7  | 7.7 | 7.7     | Giỏi        |
| 323 | 764501153135 | Phạm Mai Mi             | 27        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.1  | 7.1 | 6.9     | Khá         |
| 324 | 764501153136 | Nguyễn Trần Nam         | 07        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.7  | 5.1 | 3.9     | Trung bình  |
| 325 | 764501153137 | Nguyễn Thị Thanh Ngân   | 28        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.6  | 5.9 | 5.6     | Khá         |
| 326 | 764501153139 | Nguyễn Khôi Nguyên      | 01        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.5  | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 327 | 764501153140 | Trần Anh Nguyên         | 09        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 328 | 764501153141 | Nguyễn Huỳnh Nhi        | 10        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.4  | 8.1 | 7.9     | Giỏi        |
| 329 | 764501153142 | Phan Thị Hồng Nhung     | 14        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 330 | 764501153143 | Nguyễn Hoàng Quỳnh Như  | 21        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.9  | 4.1 | 4.1     | Trung bình  |
| 331 | 764501153145 | Nguyễn Hoàng Thiên Phúc | 10        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.4  | 6.4 | 6.4     | Khá         |
| 332 | 764501153146 | Nguyễn Thị Nhã Phương   | 24        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.2  | 7.1 | 7.1     | Giỏi        |
| 333 | 764501153147 | Võ Thiên Phương         | 29        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.2  | 8.7 | 8.7     | Giỏi        |
| 334 | 764501153151 | Trần Nguyễn Thanh Thảo  | 23        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.5  | 6.4 | 6.4     | Khá         |
| 335 | 764501153152 | Nguyễn Hưng Thịnh       | 26        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 6.5 | 5.6     | Khá         |
| 336 | 764501153153 | Đinh Thị Minh Thư       | 18        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.3  | 3.8 | 3.8     | Trung bình  |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|------------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |            |           |         |                      |     |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 337 | 764501152469 | Trần Anh Thư           | 10        | 04 | 2002 | Khánh Hòa  | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.4  | 5.6 | 5.2     | Trung bình  |
| 338 | 764501153154 | Nguyễn Lê Trường Thy   | 25        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5.1  | 5.6 | 4.9     | Trung bình  |
| 339 | 764501153155 | Nguyễn Hoàng Thùy Tiên | 10        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.8  | 6.4 | 6.4     | Khá         |
| 340 | 764501153451 | Trần Trung Tín         | 09        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5.8  | 4.9 | 3.7     | Trung bình  |
| 341 | 764501153156 | Nguyễn Quốc Toàn       | 01        | 02 | 2002 | Bến Tre    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.1  | 6.8 | 5.5     | Khá         |
| 342 | 764501153157 | Bùi Trần Kiều Trang    | 04        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8    | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 343 | 764501153158 | Đặng Lê Bảo Trâm       | 24        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.7  | 4.8 | 4.8     | Trung bình  |
| 344 | 764501153159 | Hồng Mai Trâm          | 23        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.6  | 7.8 | 7.8     | Giỏi        |
| 345 | 764501153160 | Trương Minh Triết      | 15        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.1  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 346 | 764501153161 | Phạm Hải Triều         | 20        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 7.1  | 4.8 | 4.8     | Trung bình  |
| 347 | 764501153162 | Phạm Lê Thanh Trúc     | 24        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9    | 8.7 | 8.2     | Giỏi        |
| 348 | 764501153163 | Đào Hữu Trung          | 06        | 10 | 2002 | Kiên Giang | Nam       | Khmer   | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.1  | 5.1 | 3.5     | Trung bình  |
| 349 | 764501153458 | Nguyễn Kim Uyên        | 27        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 5.5  | 4   | 4       | Trung bình  |
| 350 | 764501153164 | Lê Duy Thục Vân        | 27        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.1  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 351 | 764501153166 | Nguyễn Thúy Vy         | 14        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/8 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6    | 5.6 | 5       | Trung bình  |
| 352 | 764501153417 | Phạm Tô Bảo Châu       | 19        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Hoa     | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.7  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 353 | 764501153169 | Dương Triệu Trang Đài  | 08        | 01 | 2002 | Bình Thuận | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.7  | 7.9 | 7.9     | Giỏi        |
| 354 | 764501153170 | Nguyễn Bá Đạt          | 04        | 02 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8    | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 355 | 764501153171 | Hà Minh Đức            | 18        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.8  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 356 | 764501153172 | Nguyễn Trung Đức       | 05        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.4  | 5.8 | 5.8     | Khá         |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|------------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |            |           |         |                      |     |      |       |      |      |      |     |         |             |
| 357 | 764501153173 | Phạm Minh Hằng         | 19        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.9  | 8.6 | 8.6     | Giỏi        |
| 358 | 764501153082 | Lương Gia Hân          | 28        | 02 | 2002 | Bến Tre    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.9  | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 359 | 764501153174 | Nguyễn Ngọc Hân Hân    | 05        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.7  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 360 | 764501153175 | Nguyễn Thị Minh Hồng   | 10        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.9  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 361 | 764501153177 | Lương Linh Hương       | 25        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.7  | 8.1 | 8.1     | Giỏi        |
| 362 | 764501153178 | Vũ Ngọc Thu Hường      | 23        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.1  | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 363 | 764501153179 | Võ Phan Hoài Khánh     | 03        | 01 | 2002 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.9  | 6.7 | 6.7     | Giỏi        |
| 364 | 764501153180 | Đặng Gia Kiện          | 25        | 06 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 8.3  | 6.3 | 6.3     | Khá         |
| 365 | 764501153181 | Bùi Huỳnh Khánh Mai    | 16        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.9  | 8.3 | 8.3     | Giỏi        |
| 366 | 764501153182 | Trần Gia Minh          | 26        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.5  | 7   | 7       | Giỏi        |
| 367 | 764501153183 | Lê Huỳnh Phương Nam    | 31        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.9  | 6.5 | 6.5     | Khá         |
| 368 | 764501153184 | Tô Nguyễn Trúc Nghi    | 06        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.8  | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 369 | 764501153185 | Lý Thị Hồng Ngọc       | 14        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.3  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 370 | 764501153186 | Nguyễn Như Ngọc        | 09        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 5.6  | 7.1 | 5.6     | Khá         |
| 371 | 764501153240 | Vũ Ngọc Khôi Nguyên    | 12        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.2  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 372 | 764501153187 | Nguyễn Ngọc Phương Nhi | 27        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.1  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 373 | 764501153188 | Nguyễn Thảo Nhiên      | 05        | 06 | 2002 | Lâm Đồng   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.6  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 374 | 764501153189 | Dương Quang Phúc       | 06        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Hoa     | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 375 | 764501153190 | Đặng Lê Thanh Phúc     | 08        | 02 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.4  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 376 | 764501153191 | Nguyễn Hồ Phương Thảo  | 06        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.6  | 8.2 | 8.2     | Giỏi        |

| STT | MSHS         | Họ tên                | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp | Loại | UT KK | XLHL | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|-----------------------|-----------|----|------|------------|-----------|---------|----------------------|-----|------|-------|------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                       | Ng        | Th | Năm  |            |           |         |                      |     |      |       |      |      |      |     |         |             |
| 377 | 764501153192 | Phạm Phú Thông        | 05        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.1  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 378 | 764501153193 | Đỗ Thanh Minh Thư     | 29        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.9  | 7.7 | 7.7     | Giỏi        |
| 379 | 764501152815 | Lê Minh Thư           | 10        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.5  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 380 | 764501153194 | Nguyễn Ngọc Minh Thư  | 18        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.4  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 381 | 764501152515 | Nguyễn Ngọc Minh Thư  | 19        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 6.8  | 6.1 | 6.1     | Khá         |
| 382 | 764501153195 | Phạm Ngọc Bích Trâm   | 24        | 06 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.1  | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 383 | 764501153196 | Trần Thị Ái Trân      | 24        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.2  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 384 | 764501153197 | Võ Huyền Trân         | 02        | 09 | 2002 | Bình Phước | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.4  | 6.6 | 6.6     | Khá         |
| 385 | 764501153198 | Nguyễn Huỳnh Trí      | 06        | 08 | 2002 | Tiền Giang | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 6.8  | 5.9 | 5.9     | Khá         |
| 386 | 764501153199 | Nguyễn Minh Triết     | 03        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.4  | 6.5 | 6.5     | Khá         |
| 387 | 764501153200 | Bùi Chiêu Ngọc Trinh  | 09        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.2  | 7.9 | 7.9     | Giỏi        |
| 388 | 764501153201 | Nguyễn Lê Hoàng Trinh | 06        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.6  | 6.8 | 6.8     | Khá         |
| 389 | 764501153202 | Lê Hà Thanh Trúc      | 05        | 02 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 8.1 | 8.1     | Giỏi        |
| 390 | 764501153203 | Lê Thủy Trúc          | 03        | 03 | 2002 | Bình Dương | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.6  | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 391 | 764501153204 | Phan Võ Thiên Trường  | 01        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.9  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 392 | 764501153205 | Nguyễn Thanh Tuấn     | 13        | 02 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.5  | 5.4 | 5.4     | Khá         |
| 393 | 764501153206 | Trần Huỳnh Thanh Tuấn | 10        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.7  | 5.9 | 5.9     | Khá         |
| 394 | 764501153207 | Nguyễn Ngọc Kim Tuyền | 09        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.3  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 395 | 764501153208 | Nguyễn Lê Minh Tước   | 19        | 06 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.4  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 396 | 764501153209 | Nguyễn Thị Tổ Uyên    | 09        | 10 | 2002 | Gia Lai    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.3  | 6.2 | 6.2     | Khá         |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp  | Loại | UT KK | XLHL       | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|------------|-----------|---------|----------------------|------|------|-------|------------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |            |           |         |                      |      |      |       |            |      |      |     |         |             |
| 397 | 764501153212 | Chí Ngọc Kim Vy        | 17        | 06 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Hoa     | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9  | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.7  | 7.4 | 7       | Khá         |
| 398 | 764501153213 | Huỳnh Hồ Anh Vy        | 09        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9  | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.9  | 5.9 | 5.9     | Khá         |
| 399 | 764501153214 | Phan Nhật Vy           | 09        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9  | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.6  | 7.1 | 7.1     | Giỏi        |
| 400 | 764501153215 | Võ Hoàng Trúc Vy       | 18        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/9  | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.8  | 6.1 | 6.1     | Khá         |
| 401 | 764501153412 | Mai Hoàng Anh          | 21        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9    | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 402 | 764501152429 | Phan Nguyễn Hiền Anh   | 21        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.8  | 6.4 | 6.4     | Khá         |
| 403 | 764501152430 | Phạm Gia Lan Chi       | 21        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 404 | 764501153223 | Lương Ngọc Hân         | 27        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 405 | 764501152435 | Nguyễn Minh Hiếu       | 29        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9    | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 406 | 764501153226 | Tăng Thế Anh Hoàng     | 04        | 04 | 2002 | Kiên Giang | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.5  | 7.7 | 7.7     | Giỏi        |
| 407 | 764501152438 | Vũ Ngọc Huy Hoàng      | 25        | 02 | 2002 | TP HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 7.6 | 6.8     | Giỏi        |
| 408 | 764501152439 | Cao Đình Huy           | 11        | 09 | 2002 | Huế        | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 7.3  | 6.9 | 6.9     | Khá         |
| 409 | 764501152441 | Phan Đức Huy           | 02        | 03 | 2002 | TP HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Trung bình | Tốt  | 6.3  | 4.6 | 4.6     | Trung bình  |
| 410 | 764501152442 | Trần Lê Huy            | 04        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.7  | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 411 | 764501152444 | Phạm Lương Thiên Hương | 12        | 08 | 2002 | TP HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 9.3  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 412 | 764501152445 | Nguyễn Thị Hường       | 25        | 10 | 2002 | Bình Thuận | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 8.1  | 7.5 | 5.7     | Khá         |
| 413 | 764501153228 | Hồng Gia Hy            | 21        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.9  | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 414 | 764501152448 | Nguyễn Huỳnh Bảo Khanh | 30        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.1  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 415 | 764501152449 | Đỗ Bảo Khánh           | 22        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Khá        | Tốt  | 6.9  | 6   | 6       | Khá         |
| 416 | 764501153230 | Nguyễn Ngọc Minh Khánh | 20        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi       | Tốt  | 8.3  | 8.4 | 8.3     | Giỏi        |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp  | Loại | UT KK | XLHL | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|----------|-----------|---------|----------------------|------|------|-------|------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |          |           |         |                      |      |      |       |      |      |      |     |         |             |
| 417 | 764501152839 | Nguyễn Bảo Long        | 13        | 09 | 2002 | TP HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8    | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 418 | 764501152451 | Nguyễn Minh Luân       | 01        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.5  | 6.7 | 6.5     | Giỏi        |
| 419 | 764501152452 | Lê Thanh Ngân          | 04        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.2  | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 420 | 764501152453 | Nguyễn Triệu Bảo Ngọc  | 18        | 07 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.6  | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 421 | 764501152454 | Phạm Như Ngọc          | 19        | 06 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.3  | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 422 | 764501153241 | Nguyễn Đức Nhân        | 11        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.3  | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 423 | 764501152455 | Trương Trọng Nhân      | 16        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.9  | 6.4 | 6.4     | Khá         |
| 424 | 764501152456 | Nguyễn Hoàng Yến Nhi   | 04        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.6  | 7.3 | 7.3     | Khá         |
| 425 | 764501152457 | Nguyễn Huỳnh Trúc Nhi  | 28        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.4  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 426 | 764501152458 | Nguyễn Ngọc Yến Như    | 13        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.5  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 427 | 764501152459 | Võ Hoàng Phúc          | 26        | 03 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.1  | 5.7 | 5.5     | Khá         |
| 428 | 764501152460 | Cao Uyên Hà Phương     | 11        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.9  | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 429 | 764501152461 | Nguyễn Minh Quân       | 23        | 12 | 2001 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.6  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 430 | 764501152463 | Nguyễn Ngọc Thùy Quyên | 10        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.4  | 8.3 | 8.3     | Giỏi        |
| 431 | 764501152464 | Trần Bảo Quỳnh         | 15        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.8  | 6.6 | 5.2     | Khá         |
| 432 | 764501152465 | Lăng Thanh Thảo        | 14        | 08 | 2002 | TP HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.9  | 8.3 | 8.3     | Giỏi        |
| 433 | 764501152467 | Hà Minh Thông          | 08        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.4  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 434 | 764501152468 | Nguyễn Thị Thanh Thủy  | 08        | 03 | 2002 | TP HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.2  | 7.1 | 7.1     | Giỏi        |
| 435 | 764501153252 | Trần Nguyên Anh Thư    | 20        | 08 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.3  | 7.7 | 7.7     | Giỏi        |
| 436 | 764501152470 | Nguyễn Huỳnh Thảo Trâm | 25        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.2  | 7.3 | 6.8     | Giỏi        |

| STT | MSHS         | Họ tên                | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp  | Loại | UT KK | XLHL | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|-----------------------|-----------|----|------|----------|-----------|---------|----------------------|------|------|-------|------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                       | Ng        | Th | Năm  |          |           |         |                      |      |      |       |      |      |      |     |         |             |
| 437 | 764501152471 | Nguyễn Triệu Bảo Trâm | 18        | 07 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.4  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 438 | 764501152472 | Trần Hoàng Bảo Trân   | 04        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.2  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 439 | 764501153452 | Đào Minh Trí          | 05        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.4  | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 440 | 764501153453 | Phạm Minh Trí         | 30        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.2  | 6.5 | 6.5     | Giỏi        |
| 441 | 764501152474 | Nguyễn Hoàng Tú       | 24        | 12 | 2002 | TP HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.4  | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 442 | 764501161009 | Phạm Anh Tuấn         | 13        | 03 | 2002 | Đồng Nai | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.8  | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 443 | 764501153263 | Lê Phương Vy          | 28        | 03 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.7  | 8.6 | 7.9     | Giỏi        |
| 444 | 764501153264 | Nguyễn Ngọc Minh Vy   | 14        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.7  | 7.7 | 7.7     | Giỏi        |
| 445 | 764501152475 | Nguyễn Thị Hạnh Vy    | 28        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.5  | 6.6 | 6.5     | Khá         |
| 446 | 764501152477 | Nguyễn Như Ý          | 08        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/10 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.8  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 447 | 764501152478 | Mai Ngọc Anh          | 30        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.8  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 448 | 764501152479 | Nguyễn Vân Anh        | 28        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 7.8 | 7.8     | Giỏi        |
| 449 | 764501152480 | Nguyễn Đức Thiên Ân   | 23        | 03 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.8  | 7.7 | 7.7     | Giỏi        |
| 450 | 764501152481 | Dương Tuệ Minh Châu   | 04        | 09 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.6  | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 451 | 764501152482 | Hoàng Hà Chi          | 14        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.4  | 6.6 | 6.6     | Khá         |
| 452 | 764501152484 | Nguyễn Xuân Dương     | 02        | 04 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.2  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 453 | 764501152485 | Hoàng Giang           | 31        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.7  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 454 | 764501152486 | Đinh Thanh Hà         | 09        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.5  | 7.9 | 7.9     | Giỏi        |
| 455 | 764501152487 | Bùi Quang Hải         | 05        | 11 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.1  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 456 | 764501152488 | Huỳnh Nguyên Hải      | 19        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.7  | 8   | 8       | Giỏi        |

| STT | MSHS         | Họ tên                | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp  | Loại | UT KK | XLHL | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|-----------------------|-----------|----|------|-----------|-----------|---------|----------------------|------|------|-------|------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                       | Ng        | Th | Năm  |           |           |         |                      |      |      |       |      |      |      |     |         |             |
| 457 | 764501152489 | Trương Linh Hân       | 16        | 03 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.4  | 7   | 7       | Giỏi        |
| 458 | 764501152490 | Bùi Sỹ Hoàng          | 09        | 07 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 8    | 6   | 6       | Khá         |
| 459 | 764501152491 | Đặng Quang Huy        | 18        | 10 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.6  | 6.5 | 6.5     | Giỏi        |
| 460 | 764501153425 | Nguyễn Tuấn Hưng      | 09        | 11 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.1  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 461 | 764501152835 | Bùi Đăng Khoa         | 30        | 05 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.9  | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 462 | 764501152492 | Nguyễn Phạm Kiên      | 14        | 09 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 7   | 7       | Giỏi        |
| 463 | 764501152493 | Ngô Bùi Uyên Linh     | 23        | 04 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.6  | 7   | 7       | Khá         |
| 464 | 764501152494 | Trương Nguyễn Tấn Lộc | 19        | 07 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 465 | 764501152495 | Đỗ Nguyễn Khánh Ly    | 12        | 02 | 2002 | Bình Định | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.5  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 466 | 764501152496 | Lâm Hoàng Mạnh        | 31        | 10 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.9  | 8.6 | 8.6     | Giỏi        |
| 467 | 764501152497 | Hà Bảo Minh           | 22        | 01 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Khá  | 8.7  | 7.9 | 7.9     | Khá         |
| 468 | 764501152500 | Đinh Lê Bảo Ngân      | 11        | 09 | 2002 | Đà Nẵng   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.1  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 469 | 764501152501 | Huỳnh Hoàng Ngân      | 23        | 08 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.4  | 7.9 | 7.9     | Giỏi        |
| 470 | 764501152503 | Thiều Minh Nguyệt     | 02        | 10 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.5  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 471 | 764501152504 | Bùi Thị Thanh Nhân    | 21        | 02 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.8  | 7.9 | 7.9     | Giỏi        |
| 472 | 764501152505 | Nguyễn Thanh Như      | 18        | 12 | 2002 | Tp HCM    | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.4  | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 473 | 764501152752 | Nguyễn Hoàng Phi      | 03        | 07 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.2  | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 474 | 764501152804 | Lý Thiện Phúc         | 17        | 08 | 2001 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.6  | 7.9 | 7.9     | Giỏi        |
| 475 | 764501152506 | Trần Hữu Phúc         | 08        | 03 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.5  | 7   | 7       | Giỏi        |
| 476 | 764501152507 | Võ Minh Quân          | 08        | 02 | 2002 | Tp HCM    | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.9  | 8.2 | 8.2     | Giỏi        |

| STT | MSHS         | Họ tên                | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp  | Loại | UT KK | XLHL | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|-----------------------|-----------|----|------|----------|-----------|---------|----------------------|------|------|-------|------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                       | Ng        | Th | Năm  |          |           |         |                      |      |      |       |      |      |      |     |         |             |
| 477 | 764501152508 | Nguyễn Thị Diễm Quỳnh | 08        | 06 | 2002 | Lâm Đồng | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.6  | 7.4 | 7.4     | Khá         |
| 478 | 764501152509 | Đỗ Thành Tài          | 11        | 04 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.5  | 7.1 | 7.1     | Giỏi        |
| 479 | 764501152510 | Lý Phúc Thành         | 10        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.7  | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 480 | 764501152511 | Đào Lê Phương Thảo    | 27        | 05 | 2002 | Lâm Đồng | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.2  | 8.8 | 8.8     | Giỏi        |
| 481 | 764501152512 | Hoàng Lê Phương Thảo  | 11        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.9  | 8.2 | 8.2     | Giỏi        |
| 482 | 764501152513 | Lê Huy Thịnh          | 19        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.2  | 7.8 | 7.8     | Giỏi        |
| 483 | 764501152516 | Phan Nguyễn Minh Thư  | 13        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.6  | 7.9 | 7.9     | Giỏi        |
| 484 | 764501152517 | Vũ Nguyễn Anh Thư     | 20        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 7.8 | 7.8     | Giỏi        |
| 485 | 764501152518 | Phạm Minh Tiến        | 24        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.9  | 8.1 | 8.1     | Giỏi        |
| 486 | 764501152519 | Trần Hoàng Tín        | 03        | 07 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.4  | 7.8 | 7.8     | Giỏi        |
| 487 | 764501152520 | Phạm Thị Quế Trân     | 27        | 10 | 2002 | Bến Tre  | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Khá  | 8.6  | 7.4 | 7.4     | Khá         |
| 488 | 764501152521 | Trần Ngọc Bảo Trân    | 21        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.3  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 489 | 764501152522 | Huỳnh Song Trí        | 16        | 01 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.5  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 490 | 764501152523 | Nguyễn Đình Minh Trí  | 06        | 06 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.4  | 7.1 | 7.1     | Khá         |
| 491 | 764501152524 | Nguyễn Minh Trí       | 17        | 06 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.6  | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 492 | 764501152867 | Nguyễn Minh Tuấn      | 29        | 10 | 2002 | Phú Yên  | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.8  | 7.8 | 7.8     | Giỏi        |
| 493 | 764501152525 | Đỗ Quang Vinh         | 20        | 05 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.2  | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 494 | 764501152526 | Đoàn Nguyễn Thảo Vy   | 10        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 7   | 7       | Giỏi        |
| 495 | 764501152527 | Nguyễn Ái Lan Vy      | 17        | 09 | 2002 | Bến Tre  | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/11 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.2  | 8.3 | 8.3     | Giỏi        |
| 496 | 764501152528 | Phạm Lê Thái An       | 05        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 7.7 | 7.7     | Giỏi        |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp  | Loại | UT KK | XLHL | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|------------|-----------|---------|----------------------|------|------|-------|------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |            |           |         |                      |      |      |       |      |      |      |     |         |             |
| 497 | 764501152529 | Châu Quỳnh Anh         | 03        | 03 | 2002 | Quảng Bình | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.2  | 7.2 | 7       | Giỏi        |
| 498 | 764501152530 | Lê Hoàng Anh           | 02        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.5  | 7   | 7       | Giỏi        |
| 499 | 764501152531 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Dao  | 03        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.5  | 6.5 | 6.5     | Giỏi        |
| 500 | 764501152532 | Lý Khả Di              | 06        | 05 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Hoa     | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.6  | 8.7 | 8.7     | Giỏi        |
| 501 | 764501152533 | Nguyễn Bá Tiến Đạt     | 17        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.2  | 6.7 | 6.7     | Giỏi        |
| 502 | 764501152534 | Trần Lê Đạt            | 02        | 02 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.8  | 8.1 | 8.1     | Giỏi        |
| 503 | 764501152535 | Âu Lý Phúc Điền        | 08        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.5  | 7.6 | 7.6     | Giỏi        |
| 504 | 764501152536 | Võ Khánh Đoan          | 28        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.3  | 7.1 | 7.1     | Giỏi        |
| 505 | 764501152537 | Dương Đình Quang Đức   | 20        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.3  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 506 | 764501152538 | Đào Mạnh Đức           | 03        | 02 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.3  | 6.7 | 6.7     | Giỏi        |
| 507 | 764501152539 | Nguyễn Lê Chuẩn Đức    | 02        | 06 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.3  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 508 | 764501152540 | Lê Nguyễn Bảo Hân      | 30        | 06 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.8  | 8.7 | 8.7     | Giỏi        |
| 509 | 764501152541 | Nguyễn Minh Hiền       | 18        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 6.7  | 6.3 | 6.3     | Khá         |
| 510 | 764501152542 | Nguyễn Mậu Trọng Hiếu  | 23        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.8  | 7.8 | 7.8     | Giỏi        |
| 511 | 764501152543 | Đỗ Hoàng Hưng          | 02        | 01 | 2002 | Sóc Trăng  | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.8  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 512 | 764501152544 | Nguyễn Cao Quỳnh Hương | 17        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.1  | 6.9 | 6.5     | Giỏi        |
| 513 | 764501152545 | Phạm Huỳnh Liên Hương  | 07        | 02 | 2002 | Đồng Nai   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.2  | 6.8 | 6.8     | Giỏi        |
| 514 | 764501152546 | Trương Đức Kha         | 19        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 8    | 5.8 | 5.8     | Khá         |
| 515 | 764501152547 | Bùi Đăng Cát Khánh     | 17        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 10   | 9   | 9       | Giỏi        |
| 516 | 764501152548 | Phan Anh Khoa          | 21        | 03 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.7  | 8.7 | 8.7     | Giỏi        |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp  | Loại | UT KK | XLHL | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|------------|-----------|---------|----------------------|------|------|-------|------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |            |           |         |                      |      |      |       |      |      |      |     |         |             |
| 517 | 764501152549 | Chu Việt Gia Linh      | 11        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.3  | 7.4 | 7.4     | Giỏi        |
| 518 | 764501152551 | Hoàng Khánh Linh       | 11        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8    | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 519 | 764501152552 | Nguyễn Hoàng Mai Linh  | 30        | 03 | 2002 | Ninh Thuận | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.7  | 8.4 | 8.4     | Giỏi        |
| 520 | 764501152553 | Đặng Thiên Lộc         | 02        | 11 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.2  | 6.5 | 6.5     | Giỏi        |
| 521 | 764501152502 | Bùi Uy Nghi            | 03        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 8.2  | 6.4 | 6.4     | Khá         |
| 522 | 764501152554 | Vũ Nguyễn Bảo Ngọc     | 31        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 8.4 | 8.2     | Giỏi        |
| 523 | 764501152555 | Nguyễn Bá Khôi Nguyên  | 22        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 10   | 8.1 | 8.1     | Giỏi        |
| 524 | 764501152556 | Nguyễn Văn Tường Ý Nhi | 08        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.3  | 6.9 | 6.9     | Giỏi        |
| 525 | 764501152557 | Võ Uyên Nhi            | 07        | 10 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.5  | 7.8 | 7.8     | Giỏi        |
| 526 | 764501152558 | Đặng Ngọc Quỳnh Như    | 08        | 08 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.1  | 7.2 | 7.2     | Giỏi        |
| 527 | 764501152559 | Phùng Yên Như          | 03        | 01 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.1  | 8.3 | 8.3     | Giỏi        |
| 528 | 764501152560 | Nguyễn Hải Phi         | 28        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.8  | 8   | 8       | Giỏi        |
| 529 | 764501152561 | Trần Uyên Phương       | 11        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.3  | 7.8 | 7.8     | Giỏi        |
| 530 | 764501152562 | Trần Minh Quân         | 13        | 06 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.4  | 6.6 | 6.6     | Khá         |
| 531 | 764501152563 | Trần Ngọc Anh Quân     | 12        | 12 | 2002 | Nam Định   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.8  | 5.6 | 5.6     | Khá         |
| 532 | 764501152564 | Nguyễn Đan Minh Tâm    | 18        | 10 | 2002 | Bình Thuận | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 6.8  | 7.7 | 6.4     | Khá         |
| 533 | 764501152565 | Lê Hữu Bảo Thái        | 18        | 12 | 2002 | Tp HCM     | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.9  | 7.3 | 7.3     | Giỏi        |
| 534 | 764501152566 | Thiều Phương Thảo      | 16        | 07 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9    | 7.5 | 7.5     | Giỏi        |
| 535 | 764501152567 | Nguyễn Võ Minh Thi     | 07        | 09 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.3  | 6.7 | 6.7     | Giỏi        |
| 536 | 764501152568 | Phạm Lê Anh Thu        | 05        | 04 | 2002 | Tp HCM     | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 6.7  | 6.2 | 6.2     | Khá         |

| STT | MSHS         | Họ tên                 | Ngày sinh |    |      | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | Tên trường           | Lớp  | Loại | UT KK | XLHL | XLHK | Toán | Văn | Điểm NN | Xếp loại TN |
|-----|--------------|------------------------|-----------|----|------|----------|-----------|---------|----------------------|------|------|-------|------|------|------|-----|---------|-------------|
|     |              |                        | Ng        | Th | Năm  |          |           |         |                      |      |      |       |      |      |      |     |         |             |
| 537 | 764501152569 | Hoàng Gia Thy          | 10        | 04 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Khá  | 9.3  | 7.9 | 7.9     | Khá         |
| 538 | 764501152570 | Lê Nguyễn Phương Trang | 29        | 04 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.5  | 7   | 7       | Khá         |
| 539 | 764501152571 | Lê Minh Trí            | 31        | 12 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.6  | 7.9 | 7.9     | Giỏi        |
| 540 | 764501152572 | Hoàng Đức Trung        | 24        | 10 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 8.8  | 6.6 | 6.6     | Giỏi        |
| 541 | 764501152573 | Nguyễn Quang Tuấn      | 16        | 06 | 2002 | Tp HCM   | Nam       | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.2  | 7   | 7       | Giỏi        |
| 542 | 764501152575 | Lê Trần Tú Uyên        | 05        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.6  | 5.6 | 5.6     | Khá         |
| 543 | 764501152576 | Trần Tú Uyên           | 14        | 02 | 2002 | Tp HCM   | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Khá  | Tốt  | 7.8  | 7.2 | 6.9     | Khá         |
| 544 | 764501152577 | Nguyễn Ngọc Tường Vy   | 05        | 03 | 2002 | Bến Tre  | Nữ        | Kinh    | THCS Nguyễn Văn Trỗi | 9/12 | 1    | 6     | Giỏi | Tốt  | 9.6  | 8.5 | 8.5     | Giỏi        |

Tổng cộng danh sách này có:

544 học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS, trong đó:

544 học sinh xét công nhận lần đầu

0 học sinh chưa được công nhận trong những lần trước

**NGƯỜI LẬP BẢNG**

**Phạm Thị Thu Thảo**

Ngày

Ngày 12 tháng 5 năm 2017

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**Lê Thị Tuyết Như**

Ngày..... tháng ..... năm

**Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo**